TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MA** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2022/HNGD-ST Ngày 07 tháng 9 năm 2022 "V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Bùi Ngọc Quang**

2. Bà: **Mai Thị Trường**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MA tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Thu – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2022/TLST-HN&GĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Bản NH, xã HT, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên *(Có mặt).*

Bị đơn: Anh **Quàng Văn Đ**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Bản P, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên *(có mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ: Bà Lò Thị Khánh Hà, Trợ giúp viên pháp lý, nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 30/5/2022; tại bản tự khai ngày 29/6/2022 nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

* **Về hôn nhân**: Tôi (T) và anh Quàng Văn Đ đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2014 tại UBND xã HT, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đến nay cũng đã được 08 năm chung sống. Trong thời gian chung sống không hòa hợp thường xảy ra cãi vã, không thể dung hòa. Đến tháng 3/2018 tôi có xin được việc làm tại cơ quan nhà nước. Từ đó hai vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, chồng tôi luôn tạo áp lực tinh thần không thỏa mái,

cấm giao lưu với xã hội, cấm đi làm. Anh Đ còn lên cơ quan làm ảnh hưởng đến danh dự của tôi và đồng nghiệp. bản thân anh Đ thì lười biếng không biết chia sẻ công việc gia đình, không có ý thức xây dựng, không có ý trí phấn đấu, dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Đời sống chung của vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc. Nên từ tháng 05/2022 tôi đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại bản NH, xã HT, huyện ĐB và chúng tôi ly thân từ đó đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện MA giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quàng Văn Đ.

*** Về con chung**: Trong quá trình chung sống tôi và anh Quàng Văn Đ có 01 người con chung là cháu Quàng Ngọc Q, sinh ngày 07/8/2019. Nguyện vọng của tôi về việc giải quyết con chung là là sau khi ly hôn tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về**: Tôi và anh Đ không có.

*** Bị đơn:** Tại bản tự khai và giấy ý kiến ngày ngày 29/6/2022 cũng như tại các buổi hòa giải anh Quàng Văn Đ trình bày như sau:

Về hôn nhân: Tôi (Đ) và chị Lò Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2014 tại UBND xã HT, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Trong quá trình chung sống chung tôi có phát sinh những mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là không hiểu vấn đề công việc của nhau. Từ tháng 05/2022 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản NH, xã HT, huyện ĐB và chúng tôi ly thân từ đó đến nay, mặc dù tôi đã động viên rất nhiều lần nhưng chị T vẫn không quay về. Tôi nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và chị Lò Thị T có 01 người con chung là cháu Quàng Ngọc Q, sinh ngày 07/8/2019. Nguyện vọng của tôi về việc giải quyết con chung là là sau khi ly hôn tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về**: Tôi và chị T không có.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn của chị T và anh Đ.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày**: Yêu cầu của anh Đ là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Đ) và chị Lò Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2014 tại UBND xã HT, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Trong quá trình chung sống chung tôi có phát sinh những mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là không hiểu vấn đề

công việc của nhau. Từ tháng 05/2022 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản NH, xã HT, huyện Điện Biên và chúng tôi ly thân từ đó đến nay, mặc dù tôi đã động viên rất nhiều lần nhưng chị T vẫn không quay về. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị T.

Thứ hai về con chung: Chị T và anh Đ có 01 người con chung là cháu cháu Quàng Ngọc Q, sinh ngày 07/8/2019. Hiện nay cháu Q đang ở cùng anh Đ và ông bà nội tại bản P, xã MĐ. Nguyện vọng của anh Đ sau khi ly hôn, anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của anh Đ về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị T và anh Đ không có tài sản chung; nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: không có.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện MA:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai Đ thụ lý đến giai Đ chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, Tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố chị Lò Thị T được ly hôn anh Quàng Văn Đ.

- Con chung: Giao cháu Quàng Ngọc Q, sinh ngày 07/8/2019 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

- Án phí: Cho chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện MA. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 10/5/2022, Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt trực tiếp cho bị đơn là anh Quàng Văn Đ.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, Tòa án ra Thông báo hòa giải lần 2, đã tiến hành tống đạt trực tiếp anh Đ có mặt và tham gia hòa giải, nhưng anh không nhất trí về hôn nhân và con chung.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt trực tiếp cho anh Đ và chị T.

[2] Nội dung vụ án:

*** Về hôn nhân**: Theo nội dung đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị Lò Thị T và anh Quàng Văn Đ tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh Đ lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2014 tại UBND xã HT, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống chị T và anh Đ chung sống đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đ luôn tạo áp lực tinh thần chị T, không thấu hiểu về công việc của nhau, cấm giao lưu với xã hội, cấm đi làm. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải, khuyên can nhiều lần nhưng cuộc sống chung của vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, chị T và anh Đ đã sống ly thân. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị T. Tuyên xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Quàng Văn Đ.

**** Về con chung***: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn Đ có 01 người con chung là cháu Quàng Ngọc Q, sinh ngày 07/8/2019.

Chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Quàng Ngọc Q đang còn nhỏ, khi thì sống cùng mẹ, khi thì sống cùng bố và ông bà nội từ khi vợ chồng chị T, anh Đ sống ly thân, chị T là cô giáo nuôi dạy trẻ, công tác tại Trại giam Nà Tấu, huyện Điện Biên, chị T có thời gian chăm cháu Q, có thu nhập ổn định; Anh Đ cũng có nguyện vọng nuôi cháu Q là hợp lý nhưng hiện nay cháu còn nhỏ, nghề nghiệp của anh là tự do, thu nhập không ổn định. Nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu, cần tiếp tục giao cháu Q cho chị T trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Q đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Đ đề nghị nếu được nuôi con yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/ tháng. Chị T và anh Đ đều thống nhất chi phí để nuôi dưỡng, chăm

sóc cháu Q là 2.000.000đồng/ tháng, do vậy yêu cầu cấp dưỡng của anh Đ không hợp lý HĐXX không chấp nhận.

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị T về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; Không chấp nhận nguyện vọng của anh Quàng Văn Đ về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

**** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về***: Không có, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: chij T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Quàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Ngọc Q, sinh ngày 07/8/2019 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí theo biên lai số: 0009286 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MA, tỉnh Điện Biên chị T đã nộp đủ.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị T, anh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện MA;
- Chi cục THADS huyện MA;
- UBND xã HT, h.MA
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân